

Số: /TB-SGDĐT

Đà Nẵng, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra sát hạch kỳ xét tuyển hợp đồng lao động giáo viên năm học 2025 - 2026 tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Thông báo số 1503/TB-SGDĐT ngày 06/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thành phố Đà Nẵng về việc xét tuyển hợp đồng lao động ở vị trí việc làm giáo viên năm học 2025 - 2026 tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT, Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng thông báo:

1. Kết quả kiểm tra sát hạch

Sở GDĐT thông báo kết quả kiểm tra sát hạch và dự kiến thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển hợp đồng lao động giáo viên năm học 2025 - 2026 tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT theo danh sách đính kèm.

2. Hoàn thiện hồ sơ xét tuyển

Các thí sinh dự kiến trúng tuyển nộp hồ sơ để Sở GDĐT đối chiếu với thông tin thí sinh đã kê khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

a) Thành phần hồ sơ (01 bộ)

- Bản chính Sơ yếu lý lịch được lập trong vòng 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo quy định của vị trí việc làm hợp đồng lao động;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền cấp trong vòng 12 (mười hai) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Các giấy tờ liên quan đến chính sách ưu tiên (đối với thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên).

Hồ sơ đựng trong bì cỡ 22 x 32 cm, ghi rõ địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email (nếu có).

b) Thời gian: 01 ngày, vào ngày 23/10/2025 (trong giờ hành chính).

c) Địa điểm: Phòng Tổ chức cán bộ (Tầng 3), Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng, số 02 Đông Giang, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng.

Sau thời gian trên, thí sinh không hoàn thiện hồ sơ hoặc hồ sơ không đúng theo thông tin thí sinh đã kê khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển thì sẽ không

được công nhận kết quả xét tuyển. Sở GDĐT sẽ xét trúng tuyển đối với thí sinh có kết quả thấp hơn liền kề.

Sở GDĐT thông báo để thí sinh được biết, theo dõi và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT Sở GDĐT;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TCCB (Lộc).

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH KỲ XÉT TUYỂN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026
TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDĐT ngày tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Xuân	Tâm	09/09/1987	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường THPT Âu Cơ		001	75		75	x	
2	Phan Minh	Châu	11/5/1991	Nam	Kinh	Công nghệ (Nông nghiệp)	Trường THPT Bắc Trà My		002	70		70	x	
3	Đặng Nhất	Vũ	06/9/2003	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển		115	88		88	x	
4	Lê Ngọc	Dũng	12/9/1993	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển		003	70		70		
5	Trần	Quang	01/01/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển		006	65		65		
6	Nguyễn Thế	Phương	01/01/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển		005	59		59		
7	Đặng Bảo	Long	22/9/1993	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển		004	54		54		
8	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/11/2003	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		173	93		93	x	
9	Nguyễn Thị Thùy	Thư	05/9/2003	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		017	91		91		
10	Lê Thị Thu	Hiền	30/7/2002	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		008	90		90		
11	Lê Đình	Huy	14/6/2002	Nam	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		009	90		90		
12	Lê Viết	Quý	20/11/1993	Nam	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		013	87		87		
13	Lê Thị Anh	Thư	20/6/2003	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		016	87		87		
14	Trương Thị Thảo	Nguyên	28/9/1994	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		011	86		86		
15	Trần Thị Bích	Thúy	21/5/1994	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		015	86		86		
16	Phan Ngọc Phương	Quỳnh	14/01/1992	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		012	84		84		
17	Tạ Thị Khánh	Huyền	30/12/2003	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		010	83		83		
18	Lê Thị	Thuận	27/02/1993	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		014	80		80		
19	Hồ Thị	Hải	19/6/1991	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Hồ Nghinh		007					Vắng
20	Đặng Thị	Thịnh	26/6/1991	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Hồ Nghinh		018	60		60	x	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
21	Dương Thị Hải	Vy	09/4/2003	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường THPT Hoàng Diệu		022	88		88	x	
22	Phạm Thị Thanh	Thảo	18/12/1993	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường THPT Hoàng Diệu		021	86		86		
23	Đoàn Tường	An	02/4/1995	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường THPT Hoàng Diệu		019	80		80		
24	Nguyễn Thị Hà	Giang	24/11/1994	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường THPT Hoàng Diệu		020	76		76		
25	Lê Thùy	Hương	29/6/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Hoàng Diệu		023	60		60	x	
26	Nguyễn Thị Thùy	Dung	16/02/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	Trường THPT Hoàng Diệu		024	83		83	x	
27	Nguyễn Hữu	Chánh	29/6/1993	Nam	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		025	94		94	x	
28	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	09/05/1998	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		028	93		93		
29	Lê Thị	Phước	04/02/2002	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		029	86		86		
30	Nguyễn Đắc	Lấn	01/11/1997	Nam	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		027	85		85		
31	Nguyễn Thị	Quê	19/01/2002	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		030	84		84		
32	Nguyễn Diễm	Quyên	06/10/2001	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		031	75		75		
33	Mai Thị Thùy	Dung	10/3/2002	Nữ	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		026					Vắng
34	Phạm Ngọc	Thiện	29/6/2002	Nam	Kinh	Toán	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ		032					Vắng
35	Nguyễn Phan Huy	Hoàng	16/02/1998	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Hoàn thành nghĩa vụ Công an nhân dân	033	60	2.5	62.5	x	
36	Đoàn Anh	Danh	16/8/1988	Nam	Kinh	Lịch sử	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở	034	85	1.5	86.5	x	
37	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/11/1998	Nữ	Kinh	Địa lí	Trường THPT Khâm Đức		035	85		85	x	
38	Y	Thịnh	02/4/2001	Nữ	Gié Triêng	Địa lí	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	036	75	5	80		
39	Ngô Phan Như	Quỳnh	03/11/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Khâm Đức		037	70		70	x	
40	Riáh	Quốc	17/06/1995	Nam	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	041	94	5	99	x	
41	Alăng	Ngọc	18/6/2002	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	040	85	5	90		
42	Nguyễn Thanh	Tôn	05/10/1999	Nam	Paco	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	043	65	5	70		
43	Alăng Thị	Thu	20/02/1999	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	042	63	5	68		

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
44	Y	Nghĩa	19/12/2000	Nữ	Gié Triêng	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	039	50	5	55		
45	Bling	Hào	10/01/2003	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Khâm Đức	Người dân tộc thiểu số	038					Vắng
46	Võ Hữu Thảo	Nhi	26/5/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Liên Chiêu		044	75		75	x	
47	Nguyễn Hồng Diễm	Quỳnh	16/6/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Liên Chiêu		045	70		70		
48	Cao Nguyễn Phương	Anh	02/12/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Lương Thế Vinh		046	94		94	x	
49	Phạm Thị	Thảo	08/11/1981	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Lương Thế Vinh	Con thương binh	049	85	5	90		
50	Tacooi Thị	Hương	05/04/1999	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Lương Thế Vinh	Người dân tộc thiểu số	048	84	5	89		
51	Nguyễn Quang	Chung	14/6/1981	Nam	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Lương Thế Vinh		047	55		55		
52	Lê Thị Kiều	Tiên	11/5/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Lương Thế Vinh		050					Vắng
53	Bùi Minh	Vương	16/6/1994	Nam	Mường	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	057	86	5	91	x	
54	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/4/2003	Nữ	Cadong	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	052	76	5	81		
55	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	10/02/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My		051	80		80		
56	Trần Hồng	Vân	30/8/2003	Nữ	Kinh	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My		056	78		78		
57	Nguyễn Thị	Thiết	12/01/1990	Nữ	Kinh	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My		054	77		77		
58	Lê Ngọc	Thuận	17/5/2002	Nam	Kinh	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My		055	74		74		
59	Võ Ngọc	Phong	27/5/1992	Nam	Kinh	Vật lí	Trường THPT Nam Trà My		053					Vắng
60	Nguyễn Quốc	Triệu	07/02/2003	Nam	Kinh	Địa lí	Trường THPT Ngũ Hành Sơn		060	80		80	x	
61	Nguyễn Thị Kim	Duyên	06/5/1996	Nữ	Kinh	Địa lí	Trường THPT Ngũ Hành Sơn		058	79		79		
62	Trần Phương	Quý	03/12/2003	Nữ	Kinh	Địa lí	Trường THPT Ngũ Hành Sơn		059	77		77		
63	Võ Thị Thu	Hiền	21/11/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Khuyến		061	76		76	x	
64	Nguyễn Thị Thu	Thuyền	04/12/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Khuyến		066	72		72		
65	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	10/9/1995	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Khuyến		065	70		70		
66	Võ Lê Yến	Nhi	20/5/2003	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Khuyến		063	60		60		

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
67	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	08/4/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Khuyến		064	60		60		
68	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	09/5/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Khuyến		062	50		50		
69	Phan Thị Vỹ	Hằng	26/3/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		069	85		85	x	
70	Trần Lê Uyên	Nhi	11/7/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		076	75		75		
71	Phạm Thị Hoàng	Quyên	24/3/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		077	75		75		
72	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nga	04/9/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		072	65		65		
73	Nguyễn Thị YẾN	Nga	12/02/1987	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		073	65		65		
74	Lê Thị Hoàng	Sâm	30/3/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		078	65		65		
75	Nguyễn Ngọc Thu	Nguyên	12/4/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		075	55		55		
76	Trần Đặng Thái	Son	10/9/2000	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		079	55		55		
77	Nguyễn Trần Thu Hà	My	27/3/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		071	50		50		
78	Nguyễn Văn	Ngọc	18/11/2001	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		074	50		50		
79	Võ Thị Thảo	Ân	28/6/1998	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		067					Vắng
80	Huỳnh Cẩm	Bình	07/7/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		068					Vắng
81	Huỳnh Thị	Mi	07/11/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi		070					Vắng
82	Nguyễn Tiến	Hạ	15/5/2003	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		081	90		90	x	
83	Phan Thị	Liên	17/5/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		083	80		80		
84	Đỗ	Quyên	06/01/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		087	70		70		
85	Đinh Văn	Tứ	16/7/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		089	60		60		
86	Huỳnh	Cơ	24/9/2001	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	Con thương binh	080	50	5	55		
87	Trần Thị	Hoàng	10/10/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		082					Vắng
88	Nguyễn Văn	Luật	07/3/2003	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		084					Vắng
89	Phạm Minh	Phụng	14/7/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		085					Vắng

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
90	Nguyễn Thanh	Phương	24/5/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		086					Vắng
91	Trần Văn	Tâm	04/7/1989	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại		088					Vắng
92	Nguyễn Văn	Đội	15/5/2002	Nam	Kinh	Tin học	Trường THPT Nông Sơn		091	85		85	x	
93	Lê Thị	Diệu	04/02/1989	Nữ	Kinh	Tin học	Trường THPT Nông Sơn		090	60		60	x	
94	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	19/02/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phạm Phú Thứ		092	75		75	x	
95	Nguyễn Phương Hồng	Kỳ	10/10/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phạm Phú Thứ		093	70		70		
96	Đoàn Trần Nguyễn	Khánh	28/5/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		096	75		75	x	
97	Lê Thị Trà	My	24/8/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		098	74		74		
98	Lê Trần Vân	Anh	05/6/2003	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		094	70		70		
99	Hồ Văn Quốc	Doanh	05/02/2003	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		095	70		70		
100	Phan Thị Diệu	Thảo	02/9/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		099	65		65		
101	Trương Hoàng Thảo	Ly	26/9/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		097	60		60		
102	Đinh Lê Minh	Thông	09/11/1998	Nam	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Phan Châu Trinh		100	60		60		
103	Phan Thị Dương	An	10/5/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phan Châu Trinh		101	88		88	x	
104	Phan Hồ Khánh	Linh	19/08/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phan Châu Trinh		102	85		85		
105	Trần Lê Hải	Nhi	14/9/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phan Châu Trinh		104	76		76		
106	Nguyễn Đỗ Thùy	Trang	01/01/1998	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phan Châu Trinh		105	75		75		
107	Lê Thị Bảo	Lộc	20/6/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Phan Châu Trinh		103					Vắng
108	Trịnh Thành	Dũng	05/10/2003	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		106	88		88	x	
109	Bùi Văn	Nghĩa	04/5/2000	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		112	78		78		
110	Nguyễn Văn Quốc	Đôn	03/10/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		107	72		72		
111	Hà Ngọc	Hân	25/12/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		108	70		70		
112	Huỳnh Hoài Bảo	Ngân	09/12/2003	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		111	64		64		

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
113	Trần Trung	Hiếu	15/05/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		109	62		62		
114	Đặng Ngọc	Quân	26/02/1994	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		113	60		60		
115	Phạm Thanh	Tiến	10/11/2003	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		114	60		60		
116	Nguyễn Quang	Huy	25/5/2003	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	Trường THPT Phan Châu Trinh		110					Vắng
117	Quang Thị Hà	Trang	16/3/2003	Nữ	Thái	Địa lí	Trường THPT Trần Phú	Người dân tộc thiểu số	117	85	5	90	x	
118	Trần Thị	Nguyệt	03/4/1994	Nữ	Kinh	Địa lí	Trường THPT Trần Phú		116	72		72		
119	Đoàn Văn	Lam	22/3/2003	Nam	Kinh	Lịch sử	Trường THPT Trần Phú - Việt An		118	88		88	x	
120	Alăng Thị	Oanh	19/04/1995	Nữ	Cơ-tu	Lịch sử	Trường THPT Trần Phú - Việt An	Người dân tộc thiểu số	119	75	5	80		
121	Nguyễn Tấn Lê	Khoa	19/5/1996	Nam	Kinh	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Phú - Việt An		123	92		92	x	
122	Hồ Thị	Bảy	12/9/2003	Nữ	Gié Triêng	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Phú - Việt An	Người dân tộc thiểu số	120	85	5	90		
123	Trần Thị	Hạnh	29/8/2003	Nữ	Mường	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Phú - Việt An	Người dân tộc thiểu số	121	80	5	85		
124	Nguyễn Xuân	Phong	20/4/2003	Nam	Kinh	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Phú - Việt An		125	80		80		
125	Trương Quang	Hoàng	31/5/1978	Nam	Kinh	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Phú - Việt An		122	70		70		
126	Lê Đức	Nhật	19/6/1999	Nam	Kinh	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Phú - Việt An		124	50		50		
127	Ông Thị Xuân	Mai	15/8/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		133	91		91	x	
128	Hồ Quang	Hiếu	10/10/1997	Nam	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		129	88		88		
129	Lê Thị Phương	Thảo	24/8/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công	Con bệnh binh	136	82	5	87		
130	Trần Thị Diễm	Mi	26/8/1991	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		134	82		82		
131	Dư Thị Trang	Anh	19/8/1984	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		126	79		79		
132	Phạm Thị Mai	Anh	02/01/1995	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		127	79		79		
133	Ngô Thị Minh	Huyền	18/3/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		130	75		75		
134	Đào Tuyết	Quỳnh	14/4/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		135	70		70		
135	Từ Thị Phương	Thúy	26/10/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		137	70		70		

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
136	Nguyễn Trần Thục	Vân	29/11/1989	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		139	65		65		
137	Phan Thị Mỹ	Duyên	21/10/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		128					Vắng
138	Phạm Thị Thúy	Lệ	08/03/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		131					Vắng
139	Võ Nguyễn Đoan	Uyên	20/11/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		138					Vắng
140	Nguyễn Hoàng	Yến	25/8/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công		140					Vắng
141	Zorâm Thị	Lâm	16/04/2002	Nữ	Cơ-tu	Địa lí	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	Người dân tộc thiểu số	141	76	5	81	x	
142	Hồ Thị Hồng	Ly	05/12/1995	Nữ	Gié Triêng	Địa lí	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	Người dân tộc thiểu số	142	73	5	78		
143	Ating Thị	Nui	15/10/1995	Nữ	Cơ-tu	Địa lí	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	Người dân tộc thiểu số	143	64	5	69		
144	Võ Thị Ngọc	Ly	23/02/1976	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	Con thương binh	132	85	5	90	x	
145	Alăng	Trường	10/08/1999	Nam	Cơ-tu	Tin học	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	Người dân tộc thiểu số	144	75	5	80	x	
146	Bùi Thị My	Siêm	04/11/1988	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường THPT Võ Nguyên Giáp		145	75		75	x	
147	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	04/8/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My		148	75		75	x	
148	Lê Thị Diễm	Sương	04/12/1983	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My		147	72		72		
149	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	10/03/2003	Nữ	Kinh	Sinh học	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My		146	70		70		
150	Briú Thị	Hiền	12/4/1998	Nữ	Cơ-tu	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	150	60	5	65	x	
151	Ngô Thị Kim	Anh	01/01/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My		149					Vắng
152	Hồ Xuân	Ánh	12/7/2002	Nam	Xê Đăng	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	152	85	5	90	x	
153	Arát Thị	Hoa	28/9/2003	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	153	82	5	87		
154	Hóih	Ahóir	13/08/1995	Nam	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	151	80	5	85		
155	Trần Thị Ly	Thanh	15/6/2001	Nữ	Cor	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	157	65	5	70		
156	Hồ Văn	Thoảng	10/9/1995	Nam	Cadong	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	159	63	5	68		
157	Zơ Râm Thị	Phượng	05/11/2002	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	156	62	5	67		
158	Đinh Thị	Ly	26/11/2003	Nữ	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	154	57	5	62		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm kiểm tra sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
159	Hồ Thị Thên	18/11/2000	Nữ	Xê Đăng	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	158	55	5	60		
160	Hóih Nhít	08/05/1998	Nam	Cơ-tu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường PTDTNT THCS&THPT Nam Trà My	Người dân tộc thiểu số	155					Vắng
161	Trương Thị Hoài Thu	31/8/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	Trường PTDTNT THCS&THPT Nước Oa		160	78		78	x	
162	Trần Thị Phương Loan	05/12/1988	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trường PTDTNT THCS&THPT Nước Oa		161	75		75	x	
163	Phạm Thị Ngọc Ánh	18/8/1993	Nữ	Kinh	Ngữ văn	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam		162	85		85	x	
164	Hà Thúy Hằng	09/10/1984	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng		163	81		81	x	
165	Hồ Thanh Thùy	01/8/1992	Nữ	Kinh	Tiểu học	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng		166	92		92	x	
166	Nguyễn Thùy Dung	20/9/1999	Nữ	Kinh	Tiểu học	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng		164	82		82		
167	Nguyễn Trang Anh Tâm	27/8/2003	Nữ	Kinh	Tiểu học	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng		165					Vắng
168	Nguyễn Thị Khánh Tiên	16/01/2002	Nữ	Kinh	Lịch sử	Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 1		167	80		80	x	
169	Lê Tự Dũng	24/4/1995	Nam	Kinh	Tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 2		168	73		73	x	
170	Dương Thị Mai Huệ	17/6/1976	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 2	Con thương binh	171	65	5	70		
171	Đinh Thị Hà	17/8/1985	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 2		169	69		69		
172	Nguyễn Thị Như Liên	03/8/1984	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 2		172	65		65		
173	Trần Thị Đoan Hân	07/6/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 2		170					Vắng

Danh sách này có 173 thí sinh./.